

Bản án số: 277/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2021

*“ V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung ”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Văn Cương**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Trần Đức Hiếu**

Ông **Nguyễn Tấn Thúc**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Thị Thị Hoàng Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 197/2021/TLST – HNGĐ ngày 28/6/2021 về việc *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Ánh H**, sinh ngày 15/12/1979; Nơi cư trú: Đường N, tổ 04, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Hoàng Văn Q**, sinh ngày 06/3/1974; Nơi cư trú: Tổ 04, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Địa chỉ liên hệ: Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt (Có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2021 và bản tự khai ngày 21/9/2021 và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hoàng Văn Q kết hôn với nhau vào năm 2003 có đăng ký kết hôn tại xã H, huyện H, TP Đà Nẵng (cũ), nay là phường H, quận C, TP Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống tại phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, chồng thiếu quan tâm chăm sóc gia đình, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn và không hàn gắn được. Từ tháng 4/2019 cho đến

nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó, bà Nguyễn Thị Ánh H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng Văn Q.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Ánh H xác định vợ chồng bà có 02 con chung gồm: Cháu Hoàng Quang T, sinh ngày 30/4/2005 và cháu Hoàng Ngọc Hồng A, sinh ngày 18/11/2018. Ly hôn bà Ánh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Hoàng Quang T, Hoàng Ngọc Hồng A cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Bà Ánh H yêu cầu ông Hoàng Văn Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 con chung (02 con chung là 3.000.000 đồng/tháng), cấp dưỡng từ ngày Tòa án giải quyết cho ly hôn cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị Ánh H xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Ánh H xác định không có.

*Tại bản tự khai ngày 10/9/2021 và tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 10/9/2021 bị đơn ông Hoàng Văn Quang trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Hoàng Văn Q xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn như lời trình bày của bà Nguyễn Thị Ánh H trình bày nêu trên là đúng. Quá trình chung sống, đến cuối năm 2018 đầu năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nay bà Nguyễn Thị Ánh H khởi kiện ly hôn đơn phương với ông thì ông đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của bà Ánh H.

- *Về con chung*: Ông Hoàng Văn Q thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị Ánh H xác định vợ chồng ông có 02 con chung gồm: Cháu Hoàng Quang T, sinh ngày 30/4/2005 và cháu Hoàng Ngọc Hồng A, sinh ngày 18/11/2018. Ly hôn ông Q đồng ý với yêu cầu của Ánh H giao 02 con chung cho bà Nguyễn Thị Ánh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Ông Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 con chung (02 con chung là 3.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Ông Hoàng Văn Q xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông Hoàng Văn Q xác định không có nên không đề nghị giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết bị đơn ông Hoàng Văn Q có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” bị đơn là ông Hoàng Văn Q có nơi cư trú tại: tổ 04, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh H và bị đơn ông Hoàng Văn Q vắng mặt. Tuy nhiên nguyên đơn, bị đơn đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh H và bị đơn ông Hoàng Văn Q.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của các đương sự, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày, nguyện vọng của các bên đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Hoàng Văn Q kết hôn với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Thọ, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng (cũ) nay là phường H, quận C, TP Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống đến cuối năm 2018 đầu năm 2019 thì vợ chồng bà H, ông Q phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn được bà H, ông Q thống nhất xác định là do vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Từ tháng 04/2019 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q. Bị đơn ông Hoàng Văn Q cũng cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa nên đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của bà H.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Hoàng Văn Q đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích Hôn nhân không đạt được, quá trình tố tụng nguyên đơn, bị đơn cũng đã thống nhất ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh H, xử cho bà H được ly hôn với ông Hoàng Văn Q.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Hoàng Văn Q thống nhất xác định vợ chồng ông bà có 02 con chung tên: Cháu Hoàng Quang T, sinh ngày 30/4/2005 và cháu Hoàng Ngọc Hồng A, sinh ngày 18/11/2018. Ly hôn bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Hoàng Quang Trung, Hoàng Ngọc Hồng A cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Yêu cầu ông Hoàng Văn Q cấp

đưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 con chung (02 con chung là 3.000.000 đồng/ tháng) cấp dưỡng từ khi Tòa án giải quyết ly hôn cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Bị đơn ông Hoàng Văn Q đồng ý giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 con chung (02 con chung là 3.000.000 đồng/tháng).

Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của bà Ánh H được bị đơn ông Hoàng Văn Q chấp nhận, phù hợp với nguyện vọng của cháu Hoàng Quang T. Hiện bản thân bà H có chỗ ở, có công việc ổn định đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, giao 02 con chung tên: Hoàng Quang T, sinh ngày 30/4/2005 và cháu Hoàng Ngọc Hồng A, sinh ngày 18/11/2018 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Buộc ông Hoàng Văn Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Hoàng Quang T và Hoàng Ngọc Hồng A mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi con chung (02 con chung là 3.000.000 đồng/tháng). Cấp dưỡng từ tháng 10/2021 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Hoàng Văn Q xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà Ánh H và ông Hoàng Văn Q xác định không có nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm; Ông Hoàng Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Căn cứ:** Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

**2. Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh H đối với ông Hoàng Văn Q về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”.

**2.1 Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho bà Nguyễn Thị Ánh H được ly hôn với ông Hoàng Văn Q.

**2.2 Về con chung:** Giao 02 con chung tên: Hoàng Quang T, sinh ngày 30/4/2005 và cháu Hoàng Ngọc Hồng A, sinh ngày 18/11/2018 cho bà Nguyễn Thị Ánh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Buộc ông Hoàng Văn Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Hoàng Quang T, sinh ngày 30/4/2005 và cháu Hoàng Ngọc Hồng A, sinh ngày 18/11/2018 mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi con chung (02 con chung là 3.000.000 đồng/tháng).

Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2021 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì họ phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Mức lãi suất chậm trả được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

**2.3 Về tài sản chung:** Bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Hoàng Văn Q xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

**2.4 Về nợ chung:** Bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Hoàng Văn Q xác định không có.

### **3. Về án phí:**

Buộc bà Nguyễn Thị Ánh H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0009740 ngày 28/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ (*Như vậy bà Hồng đã nộp đủ án phí*).

Buộc ông Hoàng Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

**4. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng (GCNKH số: 01/2003 ngày 12/12/2003);
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Văn Cường**

